ENGLISH 3- STARTER

A.NUMBERS

- number	: chữ số, con số
- one	: số một (1)
- two	: số hai (2)
- three	: số ba (3)
- four	: số bốn (4)
- five	: số năm (5)
- six	: số sáu (6)
- seven	: số bảy (7)
- eight	: số tám (8)
- nine	: số chín (9)
- ten	: số mười (10)

LIVEWORKSHEETS